TÒA ÁN NHÂN DÂN TP PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HN&GĐ - ST
Ngày: 12/4/2022
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh
2. Ông Nguyễn Hồng Hải

Thư ký phiên toà: Bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 19/2022/HN&GĐ - ST ngày 17/01/2022 về Tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/QĐXX- ST ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Diệp Thị M , sinh năm 1980;

Địa chỉ: Xóm Nhội, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Dương Văn T , sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm Nhội, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt anh Thanh, Chị Minh có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Diệp Thị Minh trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Dương Văn T chung sống với nhau từ năm 1998, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Về lý do không đăng ký kết hôn do khi đó anh Thanh chưa đủ 18 tuổi để đi đăng ký kết hôn theo quy định, sau này chung

sống do mải làm ăn nên không nghĩ đến việc phải đi đăng ký kết hôn và cũng không hiểu biết về pháp luật nữa. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn, từ năm 2010 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn về kinh tế và tình cảm nên cả hai không có tiếng nói chung. Từ năm 2011 vợ chồng chính thức ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, cả hai cũng đều có mối quan hệ với người khác. Nay chị xác định không còn tình cảm không thể đoàn tụ để xây dựng cuộc sống chung. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh T . Do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận quan hệ là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Thanh có ba con chung: cháu Dương Thị Hồng N , sinh năm 1999; Dương Thị P , sinh 2002; Dương Quang H , sinh 01/11/2010. Nay ly hôn hai con chung thứ nhất và thứ hai đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết. Con chung thứ ba chị nhất trí giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng do cả hai tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên toà bị đơn anh Dương Văn T đã trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn. Lý do không có đăng ký kết hôn là do anh chưa đủ tuổi đăng ý kết hôn theo quy định. Sau này cuộc sống do mải làm ăn nên không nghĩ phải đi đăng ký kết hôn. Sau khi về chung một nhà, cả hai chỉ hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2011 đến nay anh và chị M mỗi người sống một nơi, hiện chị M và anh đều có mỗi quan hệ với người khác. Nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để chấm dứt quan hệ hôn nhân anh đồng ý, vì anh và chị Minh chung sống mà không có đăng ký kết hôn, anh tìm hiểu quy định của pháp luật thì được biết chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị Minh có ba con chung: cháu Dương Thị Hồng N , sinh năm 1999; Dương Thị P , sinh 2002; Dương Quang H , sinh 01/11/2010. Nay ly hôn hai con chung thứ nhất và thứ hai đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết. Con chung thứ ba cháu Dương Quang H , sinh 01/11/2010, chị M đồng ý giao cho anh tiếp tục nuôi dưỡng anh nhất và có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị Minh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia

tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đứng trình tự, thủ tục tố tụng. VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bầy của anh T và chị M tại bản tự khai và lời khai của anh T tại phiên toà và kết quả xác minh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là UBND xã Thành Công, thị xã Phổ Yên cho thấy: kể từ thời điểm anh T và chị M chung sống với nhau năm 1998 cho đến nay, anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy giải quyết ly hôn cho anh chị cần áp dụng các Điều 51, 53 Luật Hôn nhân & gia đình: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Diệp Thị M và anh Dương Văn T .

- Về con chung: Hai con thứ nhất và thứ hai đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết; con chung thứ ba giao cho anh T h trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị M , anh T xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Án phí Đề nghị áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH buộc nguyên đơn chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn"* cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại xóm Nhội, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Nghị Quyết số 469/NQ – UBTVQH 15 ngày 15/02/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 15 về việc thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 4 năm 2022. Do đó, thời điểm xét xử vụ kiện Nghị Quyết có hiệu lực nay là thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về tố tụng:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa

án tiến hành. Tại phiên tòa hôm nay, chị M là nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn trong vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Thị M và anh Dương Văn T chung sống với nhau từ năm 1998, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong suốt quá trình chung sống đến nay, anh T và chị M vẫn không đi đăng ký kết hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 23/3/2022, của Tòa án với ông Dương Đức C - Cán bộ Tư pháp, hộ tịch xã Thành Công, phụ trách việc đăng ký kết hôn, được cung cấp: Qua kiểm tra sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn từ năm 1998 đến năm 2000 do Uỷ ban nhân dân xã Thành Công không còn lưu trữ nên không xác định có đăng ký kết hôn hay không. Đối với sổ theo dõi việc kết hôn lưu trữ từ năm 2000 đến thời điểm xác minh 23/3/2022 rà soát trên sổ theo dõi việc kết hôn thì không có tên của chị Diệp Thị M với anh Dương Văn T , điều đó cho thấy không có sự kiện đăng ký kết hôn của công dân tại Uỷ ban nhân dân xã Thành Công. Về mặt thực tế: Chị M và anh T chung sống với nhau từ 1998, không có tên trong sổ đăng ký thể hiện chị M và anh T không có đăng ký kết hôn và đến tại thời điểm này vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định.

Tại khoản 1, điều 9 luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch".*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."*

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng".*

Từ những căn cứ trên thấy rằng: Quá trình xác minh với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc đăng ký kết hôn của công dân thể hiện không có tên trên sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn. Do đó xác định chị M , anh T chung sống không có đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị M có đơn xin ly hôn với anh Thanh

cần căn cứ theo các văn bản, điều luật đã viện dẫn ở trên, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh T .

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống chị Minh và anh T có ba con chung: Dương Thị Hồng N , sinh năm 1999; Dương Thị P , sinh 2002; Dương Quang H , sinh 01/11/2010. Con chung thứ nhất và thứ hai đã trưởng thành, hiện nay không chung sống cùng bố mẹ nên không đặt ra việc giải quyết.

Con chung thứ ba cháu Dương Quang H , sinh 01/11/2010, theo nguyện vọng của con chung và cũng theo thoả thuận của anh Thanh và chị Minh nên giao con chung thứ ba cháu Dương Quang H , sinh 01/11/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị M do anh T không yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung: Chị M , anh T xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị M , anh T xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Minh phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin chấm dứt quan hệ hôn nhân của chị Diệp Thị M với anh Dương Văn T

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Diệp Thị M và anh Dương Văn T .

2. Về con chung: Con chung thứ nhất và thứ hai đều đã trưởng thành, không đặt ra việc giải quyết.

Giao con chung thứ ba cháu Dương Quang H , sinh 01/11/2010, cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Huy cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị M cho đến khi anh T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản Chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

4. Về nợ chung, cho vay chung: Không có, nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về Án phí: Chị Diệp Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tại biên lai số 0002047 ngày 17/01/2022. Xác nhận chị M đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T tại phiên tòa. Báo cho biết đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Minh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- UBND xã Thành Công;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Thanh Nguyễn Văn Cường	**Nguyễn Thị Thu Hà**

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Vạn Phái;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND thị xã Phổ Yên;*
- *Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;*
- *UBND xã Hồng Tiến;*
- *Cổng thông tin điện tử Tòa án;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà